

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **86/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/4/2019

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”
(Không công nhận vợ chồng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Minh Tâm
2. Ông Hoàng Minh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình (không công nhận vợ chồng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 14/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hứa Thị H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã Hợ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

(Chị H, anh K đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hứa Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn K tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào tháng 12 năm 1993. Sau khi tổ chức đám cưới chị và anh K không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà vẫn chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị làm ăn, sinh sống tại thôn T, xã H, huyện Sơn Dương. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Đến khoảng giữa năm

2013 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích nhau nên không thể hòa hợp được, chị và anh K không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra không thể hàn gắn được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh Trần Văn K. Do chị và anh K không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định, chị và anh K có 02 con chung, cháu Trần Thị T, sinh ngày 20/11/1994 và cháu Trần G, sinh ngày 02/01/2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Trần Văn K trình bày:

Anh và chị Hứa Thị H tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 12 năm 1993 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi lấy nhau vợ chồng sinh sống và làm ăn tại thôn T, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu sống hạnh phúc hòa thuận bình thường, nhưng đến khoảng giữa năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau nên cuộc sống hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Nay, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Như lời trình bày của chị H là đúng, anh chị có 02 con chung, cháu Trần Thị T, sinh ngày 20/11/1994 và cháu Trần G, sinh ngày 02/01/2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên anh cũng không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận chị Hứa Thị H và anh Trần Văn K là vợ chồng; chị Hứa Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hứa Thị H và anh Trần Văn K mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 12 năm 1993. Chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị H và anh K đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn T, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Hứa Thị H, Hội đồng xét xử nhận định: Chị Hứa Thị H và anh Trần Văn K về chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1993 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 1993 đến nay, không có trường hợp nào có tên vợ là Hứa Thị H và chồng là Trần Văn K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Chị H và anh K chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử cần xử không công nhận chị Hứa Thị H và anh Trần Văn K là vợ chồng.

[4] Về con chung: Các đương sự xác định có 02 con chung, cháu Trần Thị T, sinh ngày 20/11/1994 và cháu Trần G, sinh ngày 02/01/2000. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, chị H và anh K đều không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hứa Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hứa Thị H và anh Trần Văn K là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hứa Thị H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000741 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Trần Văn K không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- T.H.A dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS – TA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh